

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 88****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi tám, xem từ dòng thứ năm:

“*Hựu Tịnh Ảnh viết: Thần thông dĩ đạt, thán kỳ đức thắng. Sở vi thần dị, cố danh viết Thần. Vô ứng viết Thông. Sở vi Thân Thông, Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, cập dữ Lưu Tận. Cố tri Thần vi bất trắc chi nghĩa, Thông vi vô ngại chi nghĩa*” (Ngài Tịnh Ảnh lại nói: “Thần thông đã đạt: Khen ngợi đức của họ thù thắng. Việc làm thần dị nên gọi là Thần. Không bị úng trệ là Thông, [Thần Thông] chính là Thân Thông (Thần Túc Thông), Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng và Lưu Tận. Vì vậy, Thần nghĩa là chẳng lường được, Thông nghĩa là vô ngại”). Hôm qua chúng ta đã học đến chỗ này, do thời gian hạn chế nên chưa giảng xong đoạn này; hôm nay lại tiếp tục giảng lần nữa. “*Thần thông dĩ đạt*”, “*đạt*” (達) là thông đạt (通達). Trong Phật pháp nói đến sáu thứ thần thông này. Thuở đức Thế Tôn tại thế, chúng ta biết Ấn Độ thuở ấy là một nước tôn giáo, tôn giáo thịnh vượng nhất, cũng là một nơi có trình độ học thuật cao nhất nếu nói theo [quy mô] cả thế giới. Vì thế, đức Phật xuất hiện ở nơi ấy, vô cùng hợp lý! Đức Phật chẳng xuất hiện tại Trung Quốc, mà xuất hiện ở Ấn Độ, tức là trình độ văn hóa của Ấn Độ cao hơn Trung Quốc. Thật ra, Phật cũng xuất thế ở Trung Quốc, nhưng chẳng dùng thân phận Phật, tôi cảm thấy Khổng, Mạnh, Lão, Trang, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang đều là Phật, Bồ Tát tái lai. Trong quá khứ, tôi từng hỏi lão cư sĩ Lý Bình Nam xin Ngài chứng thực một phen. Sau khi nghe xong, Ngài cười, bảo tôi: “*Nói theo Lý thì hợp lẽ, nhưng về mặt Sự chẳng có chứng cứ*”. Thiêu chứng cứ về mặt Sự, nhưng nói theo Lý cũng suông. Nay chúng ta gọi sáu thứ năng lực ấy là “*công năng đặc dị*”, thật ra chúng là “*bản năng*” (năng lực sẵn có) của chúng ta, hết thấy chúng sanh ai nấy trọn đủ, ai không có? Ai nấy đều có. Vì sao chúng chẳng hiện ra? Do có chướng ngại ngăn trở. Chướng ngại ấy thường được gọi là “*nghiệp chướng*”, nói tóm lại là phiền não. Phiền não có ba loại lớn: Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, và Kiến Tư phiền não; ba loại này khiến cho bản năng, trí huệ và tướng hảo của chúng ta thấy đều bị chướng ngại. Vì thế, trong kinh Đại Thừa đức Phật thường nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, sáu thứ ấy là đức, thuộc về năng lực, sáu thứ ấy cũng bị chướng ngại. “*Tướng*” là tướng hảo, nó cũng được người Hoa gọi là “*phước báo*”. Trong nhà Phật, phước báo được gọi là “*tướng hảo*”. [Do phiền não mà trí huệ, đức tướng] đều bị chướng ngại, [Phật và chúng sanh] vốn là bình đẳng.

Người phát hiện sáu thứ ấy sớm nhất chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật, ai phát hiện? Bà La Môn giáo, tức là Hưng Đô giáo (Hinduims) hiện thời. Họ có lịch sử hơn một vạn năm, tôi tin họ, tôi có qua lại với họ. Hình như lâu ba [trong cao ốc này] là Ấn Độ giáo. Họ không coi trọng lịch sử, cho nên không ghi chép lịch sử, tương truyền [Ấn Độ giáo đã tồn tại] hơn một vạn năm. Hiện thời, những người nghiên cứu lịch sử trên thế giới

thừa nhận họ có tối thiểu tám ngàn năm trăm năm lịch sử. Chiếu theo ghi chép của Trung Quốc cổ đại về Phật giáo, như những người cùng thời đại với lão hòa thượng Hư Vân đều dùng niên đại [Phật giáo] theo cách ghi chép của Trung Quốc thời cổ: Năm Thích Ca Mâu Ni Phật xuất sanh tương đương với năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương của Trung Quốc, đức Phật viên tịch nhằm năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương, sách vở Trung Quốc đều ghi chép như thế. Nếu ghi chép theo lối ấy, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch cho tới ngày nay phải là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, gần như sai lệch sáu trăm năm so với cách nói của người ngoại quốc. Chúng ta không cần phải khảo sát chuyện này, [vì nó] chẳng có mấy may ý nghĩa gì, chúng ta [chỉ quan tâm] liễu giải chân tướng sự thật. Do thuở đức Thế Tôn xuất hiện tại Ấn Độ, Ấn Độ đã có văn hóa cao như vậy; đương nhiên năm thứ thần thông trong Bà La Môn giáo đều có, chỉ có Lậu Tận là không có, năm thứ trước họ đều có; vì thế, chúng ta cũng chớ nên xem thường [Bà La Môn giáo]. Hãy suy nghĩ sẽ thấy vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giáng sanh nơi ấy, rất có lý!

Phàm phu làm như thế nào để đạt được các loại bản năng ấy? Hiện thời, công năng đặc dị có hai loại:

1) Một là do bẩm sanh. Nói chung, người bình thường, lúc còn chưa biết nói có thể là đều có, vì bẩm tánh thiên chân, tâm địa thanh tịnh, chưa bị ô nhiễm, nên có năng lực ấy. Chúng ta quan sát cẩn thận trẻ thơ, sẽ nhận thấy khi trẻ đang ngủ trong nôi, có lúc nó tự mỉm cười, cũng như nó có rất nhiều động tác biểu lộ giống như có người đùa với nó, chơi với nó. Thật đấy! Nó có thể thấy, nghe. Dần dần khôn lớn, công năng đặc dị bẩm sanh [bị mất đi], phổ biến nhất là Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, người bình thường chúng ta nhìn không thấy, nhưng họ (người có công năng đặc dị) nghe được, người bình phàm chúng ta chẳng nghe được, nhưng họ có thể thấy, hai thứ [năng lực] này bình thường nhất, và khôi phục cũng dễ dàng nhất. Năng lực bẩm sinh ấy, chúng ta gọi là “công năng đặc dị”, có thể mất đi hay không? Có thể! Tôi đã từng phỏng vấn hai ba người có năng lực ấy, tôi hỏi họ tới hai mươi mấy tuổi có bị mất đi hay không? Có thể! Năng lực của họ lúc hai mươi mấy tuổi kém lúc mười mấy tuổi. Lúc mười mấy tuổi, năng lực mạnh mẽ, hai mươi mấy tuổi yếu đi, khoảng chừng ba mươi mấy tuổi sẽ chẳng còn nữa. Vì sao? Đầu óc có quá nhiều thứ, quá phức tạp, nên mất đi năng lực. Vì thế, chúng tôi biết [công năng đặc dị có thể bị mất].

2) Một loại khác là người tu đạo. Ngoài Phật giáo ra, gần như tất cả các tôn giáo ở Ấn Độ đều tu Thiên Định, do Thiên Định có thể đạt được [thần thông]. Đạt được lớn hay nhỏ tùy thuộc công phu định lực của quý vị sâu hay cạn. Công phu sâu, năng lực đặc biệt mạnh. Công phu cạn hơn một chút, năng lực cũng cạn hơn một chút, tỷ lệ thuận với công phu tu hành. Quý vị thấy Bà La Môn của cổ Ấn Độ đã nhìn thấy lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là thật, chẳng giả, chẳng do đức Phật nói, chẳng phải là [điểm đặc biệt] của Phật giáo, mà do Bà La Môn giáo nói. Vì sao họ biết? Họ thấy trong Định. Người trong trạng thái Thiên Định sẽ đột phá các chiều không gian, các khoa học gia đã chứng thực điều này, thật sự tồn tại những chiều không gian khác nhau. Rốt cuộc có bao nhiêu chiều không gian? Nói theo lý luận thì chẳng có số lượng, nhưng nói theo tình hình thực tế, hiện thời các khoa học gia khẳng định tối thiểu có mười một chiều không gian khác nhau!

Năm xưa, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ kể cho tôi nghe chuyện ấy, cụ nghiên cứu khoa học, có căn cơ Phật pháp rất sâu, bản chú giải chúng ta đang đọc hiện thời là do cụ viết.

Tôi đến thăm cụ rất nhiều lần, là bạn già của cụ, mà cụ cũng là thầy của tôi. Cụ là truyền nhân của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Từ bản chú giải này, chúng ta có thể thấy lão cư sĩ đã vun đắp Phật học khá sâu dày, duyên phận với Phật thù thắng khôn sánh. Nếu nói theo cách nói thông thường của Trung Quốc, cụ chẳng phải là phàm nhân tái lai, cụ và Hạ lão cư sĩ cũng phải do có sứ mạng mà đến đây, tức là chính lý kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, biên tập thành một bản hoàn hiện để hết thấy chúng sanh trong chín ngàn năm đời mai sau thuộc thời Mật Pháp học Phật sẽ đắc độ trong một đời do nương tựa bộ kinh điển này. Cụ Hạ hội tập hoàn thành, để học trò của cụ là cụ Hoàng Niệm Tổ soạn chú giải cho kinh này. Sau khi hội tập kinh này thành công, cụ Hạ đã giảng mấy lượt, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nghe từ đầu đến cuối. Cụ bảo tôi, khi đó cụ có chép bút ký, đáng tiếc là khi viết bản chú giải này thì những bản bút ký, tài liệu thời đó đều bị mất sạch. Hơn nữa, cụ viết tác phẩm này trong khi đang bệnh, chính mắt tôi thấy, tôi vô cùng cảm động.

Vì thế, đức Phật bảo chúng ta sáu thứ [năng lực] ấy là bản năng. Ngũ thông của thiên thần là báo đắc (do quả báo mà có), quý vị sanh lên trời tự nhiên sẽ có. Quý thân cũng có ngũ thông, cũng do báo đắc. Nói thật ra, con người cũng có “báo đắc ngũ thông”, nhưng vì tập khí phiền não quá nặng nên bị mất đi. Tâm chúng ta càng thanh tịnh, chúng sẽ được khôi phục. Quý vị thấy trong tựa đề kinh này, học Phật là học gì? Tuy nói là tám vạn bốn ngàn pháp môn, đó là phương pháp, “*pháp*” là phương pháp, “*môn*” là môn kính (門徑: đường lối), phương pháp và đường lối rất nhiều, không phải chỉ là tám vạn bốn ngàn. Quý vị thấy trong Tứ Hoàng Thệ Nguyễn có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, thật đấy, chẳng có số lượng. Tu gì? Bất luận pháp môn nào, [nói theo] tựa đề kinh này, đều là tu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, tu những điều ấy. Hiện nay, chúng ta chọn lựa phương pháp Trì Danh Niệm Phật của Tịnh Độ Tông, phương pháp ấy thuận tiện, chẳng có bất luận trói buộc gì, đi, đứng, ngồi, nằm đều có thể tu. Thật sự tu đến mức công phu tương ứng, nói thật ra, cũng chẳng kém “tam mật tương ứng” của Mật Tông. Trì Danh của Tịnh Tông và Mật Tông chẳng khác gì nhau. Trong tâm quán tưởng, chúng ta niệm Phật, trong tâm phải có A Di Đà Phật, đó là tâm quán tưởng. Miệng niệm, ra tiếng hay không ra tiếng đều được, niệm thầm, hoặc là Kim Cang Trì. Nói Kim Cang Trì nghĩa là miệng máy động nhưng không có âm thanh. Tay kết ấn, chúng ta tay lần tràng hạt cũng là kết ấn, không dùng tràng hạt cũng là kết ấn. Vì thế, phương pháp này vô cùng thuận tiện, hết sức thiện xảo.

Phải niệm đến mức nào? Phải niệm đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền, phải biết điều này. Hằng ngày niệm Phật, một ngày niệm mấy vạn tiếng, trong tâm vẫn rối ren toi bời, tuy niệm, chẳng có công phu. Điều trọng yếu nhất là công phu hiện tiền, quý vị thấy kinh Di Đà dạy “*nhất tâm bất loạn*”, kinh Vô Lượng Thọ dạy “*nhất hướng chuyên niệm*” (một dạ chuyên niệm), tâm thanh tịnh có thể hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, sáu thứ bản năng ấy sẽ dần dần khôi phục. Vì vậy, vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật xuất hiện như thế nào? Ta do đâu mà có? Các khoa học gia hiện thời cũng rất lỗi lạc, dần dần nói càng ngày càng giống với Phật pháp, nhưng từ ba ngàn năm trước, đức Thế Tôn chẳng có dụng cụ khoa học, vì sao Ngài biết? Ngài thấy bằng Thiên Nhãn, nghe bằng Thiên Nhĩ, đó là cảnh giới Hiện Lượng trong Định, chẳng phải là Tỷ Lượng. Quá nửa những thứ do các khoa học gia hiện thời phát hiện là Tỷ Lượng, họ quan sát Hiện Lượng bằng các máy móc tinh vi, không có máy móc sẽ chẳng thể nhìn thấy, họ dùng kính hiển vi có độ khuếch đại rất cao để quan

sát tế bào hoặc quan sát nguyên tử. Hiện thời, ngày càng thấy tinh vi hơn, họ thấy lượng tử. Lượng tử còn gọi là tiểu quang tử, phát hiện hạt căn bản do đâu mà có? Từ các tiểu quang tử tích lũy thành, trở thành một hạt căn bản. Hạt căn bản tích lũy thành nguyên tử, càng ngày càng lớn, đó là thế giới vi mô.

Tha Tâm là trong tâm người khác dấy lên niệm gì đều biết, rất lợi hại, có chuyện này hay không? Có! Năm xưa tôi ở Đài Loan, thuở ấy vừa mới học Phật chưa bao lâu đã xuất gia. Lão pháp sư Lạc Quan, hiện thời những vị pháp sư thuở ấy đều đã mất, họ thuộc thế hệ trước. Ở Đài Loan có pháp sư Chủ Vân là bạn già của tôi, Ngài lớn hơn tôi năm tuổi, cũng đã khuất, có viết một cuốn sách nhan đề Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn). Đây là chùa Giang Thiên ở Nam Kinh thuộc Trung Quốc Đại Lục, tức Kim Sơn Tự, ở trên một hòn đảo nhỏ trong sông Trường Giang. Đây là một đạo tràng Thiên Tông rất nổi tiếng, Kim Sơn Hoạt Phật xuất hiện ở đây, Ngài có pháp danh là Diệu Thiện, tức là pháp sư Diệu Thiện. Hành vi, dáng vẻ rất giống Tế Công, cũng rất lôi thôi, suốt năm khoác một chiếc áo dài, bên trong là một cái quần ngắn, bên ngoài mặc áo dài, ăn mặc không giống ai! Xuân, Hạ, Thu, Đông đều đóng bộ như thế, mùa Đông cũng chẳng lạnh, mùa Hè cũng chẳng nóng. Ngài có Tha Tâm Thông. Pháp sư Lạc Quan ở cùng chỗ với Ngài suốt bốn tháng. Người sùng bái pháp sư Diệu Thiện rất nhiều. Pháp sư Lạc Quan thường nghĩ xem thử có thể phát hiện [pháp sư Diệu Thiện có] lỗi lầm nào hay chẳng, rất chú ý nhìn Sư. Dường như khi pháp sư [Lạc Quan] khởi tâm động niệm, Kim Sơn Hoạt Phật đều biết, trong khi nói năng, hoàn toàn nói toạc ra những điều pháp sư đang suy nghĩ. Vị pháp sư ấy nói: [Kim Sơn Hoạt Phật] thật sự có Tha Tâm Thông. Quý vị thấy vị pháp sư ấy (Kim Sơn Hoạt Phật) cả đời chẳng tắm rửa, cổ áo đóng hờm đen thui, nhưng quý vị ngửi thấy mùi hoa sen. Dích thân Ngài trông thấy. Pháp sư Chủ Vân rất hâm mộ, đến khắp nơi hỏi dò chuyện Kim Sơn Hoạt Phật rồi viết thành sách. Về sau, pháp sư Lạc Quan cũng viết một bộ<sup>1</sup>. Pháp sư Lạc Quan dích thân ở cùng Ngài chừng bốn tháng, hiểu Ngài khá rõ. Quả thật, qua cuộc sống thường nhật của Ngài có thể thấy những năng lực ấy, Ngài có Tha Tâm Thông.

Túc Mạng: Túc Mạng là biết một hai đời quá khứ. Đức Phật nói A La Hán có thể biết năm trăm đời quá khứ, năm trăm đời vị lai. Ngài có thể biết quá khứ, vị lai, đây là Túc Mạng Thông. Thần Túc Thông: Thần Túc là biến hóa đủ mọi lẽ, Ngài có thể phân thân, có thể biến hóa, giống như trong tiểu thuyết Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, nhưng trên thực tế, A La Hán không chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa; so với A La Hán, Tôn Ngộ Không thua kém quá xa. Lậu Tận là đoạn Kiến Tư phiền não, tức là chứng quả A La Hán, đó là Tiểu Thừa. Đây là nêu ra [các thứ] thần thông, thông thường kinh Phật nói sáu thứ thần thông. Trong sáu thứ thần thông ấy, trừ Lậu Tận Thông ra, các tôn giáo khác tại Ấn Độ, thậm chí các học phái đều tu Thiên Định, ít nhiều đều đạt được [năm món thần thông ấy]. Vì thế, đức Phật xuất thế ở nơi nào, chúng ta có thể tưởng tượng bèn biết [trình độ văn hóa và tôn giáo nơi ấy] phải là như vậy. Tại Trung Quốc, tuy học thuật cũng rất phát triển, nhưng người Hoa chẳng chú trọng tu Thiên Định. Cũng tu, cũng nói tới chuyện “tu thân dưỡng tánh”, nhưng chưa đạt tới trình độ ấy, chưa phát hiện thần thông. Trong Phật môn bảo “tu Định, nhưng chưa đắc Định”. Người ấy tu Định, nhưng công phu chưa

<sup>1</sup> Tức là bộ Kim Sơn Hoạt Phật Thần Dị Lục.

tới mức. Nếu công phu đạt tới mức, thần thông sẽ hiện tiền; công phu ấy nhất định phải là từ đoạn phiền não mà có!

Quý vị thấy trong Phật môn, từ phần trước của bản kinh này, chúng ta đã học: Kiến Tư phiền não là chấp trước, chúng ta buông xuống chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, tâm đạt được thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh, sáu thứ thần thông đều trọn đủ, đều xuất hiện, đây là cảnh giới của A La Hán. Chứng đắc A La Hán, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Vì thế, các tôn giáo tại Ấn Độ tuy tu Định, có thể đạt tới Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, tức là chỗ cao nhất trong lục đạo, vẫn chưa thoát khỏi lục đạo, nguyên nhân là do họ chẳng đoạn tập khí phiền não. Nếu thật sự đoạn trừ, sẽ vượt thoát. Do vậy, A La Hán tu Định Cứu Định. Quý vị thấy Tứ Thiên Bát Định, Thiên Định thế gian chỉ đạt tới chỗ này, Định thứ chín là vượt thoát, tức là vượt thoát lục đạo luân hồi, trong Phật pháp mới được coi là tu hành đắc Tiểu Quả. Tiểu Quả là A La Hán hay Bích Chi Phật, vượt thoát tam giới, vượt khỏi lục đạo. Lại lên cao hơn nữa, phải đoạn trừ Trần Sa phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi Trần Sa phiền não là phân biệt. Cũng tức là chẳng phân biệt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, phân biệt vi tế hơn chấp trước, điều này cũng phải đoạn trừ, quý vị nâng cao lên thành Bồ Tát, Phật, [ở đây] là Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, đạt tới cảnh giới ấy. Tu hành trong cảnh giới ấy, phải buông căn bản vô minh xuống, căn bản vô minh là khởi tâm động niệm, vi tế cùng cực nhất. Quý vị nhìn vào cuộc đối thoại giữa đức Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát sẽ thấu hiểu tin tức ấy, vi tế đến mức độ nào? Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, buông niệm vi tế xuống, quý vị sẽ thành Phật, bèn vượt thoát mười pháp giới. Cảnh giới gì hiện tiền? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, người bình phàm chúng ta gọi [cảnh giới ấy] là Nhất Chân pháp giới, hiện tiền.

Chư vị phải biết: Mười pháp giới có sanh, có diệt, trong Nhất Chân pháp giới không có sanh diệt, cảnh giới ấy hiện tiền, theo kinh Hoa Nghiêm là từ Sơ Trụ trở lên, tức là từ Sơ Trụ của Viên Giác trở lên. Để đạt đến quả vị rốt ráo còn có bốn mươi hai địa vị là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, còn có bốn mươi hai địa vị. Khi chúng ta học Hoa Nghiêm sẽ hiểu rõ, khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra các đẳng cấp? Bốn mươi hai tầng cấp lại do đâu mà có? Có bốn mươi hai tầng cấp sẽ chẳng bình đẳng, chẳng bình đẳng sẽ không ra khỏi mười pháp giới. Do vậy, chúng ta thật sự hiểu rõ, thật sự là pháp giới bình đẳng, chẳng có giai cấp. Vì sao không có giai cấp mà đức Thế Tôn phải nói bốn mươi hai địa vị? Đây là để cho chúng ta hiểu rõ tập khí vô thi vô minh chưa đoạn. Những vị tổ sư đại đức trong quá khứ khi giảng kinh Đại Thừa đã nói rất tỉ mỉ: Quả thật các vị ấy (hàng Pháp Thân đại sĩ) đã thật sự đoạn [phiền não], nhưng chưa đoạn tập khí. Tập khí có trở ngại Sự hay không? Chẳng trở ngại Sự, tập khí Vô Minh chẳng trở ngại Sự. Tập khí Kiến Tư trở ngại Sự, sẽ tạo nghiệp; tập khí Trần Sa tương đối nhẹ hơn một chút, nhưng tập khí Vô Minh chẳng trở ngại Sự. Vì thế, có thể nói là trí huệ, thần thông, đạo lực của các Ngài chẳng khác gì Phật quả rốt ráo viên mãn. Từ kinh Đại Thừa, chúng ta thấy các Ngài có thể đối với chúng sanh hữu duyên trong mười phương các cõi Phật khắp pháp giới tận hư không giới, hễ chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có thể ứng, nên dùng thân gì để độ được bèn hiện thân ấy: Nên dùng thân Phật để đắc độ bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát đắc độ bèn hiện thân Bồ Tát, cho đến nên dùng hoa, cỏ, cây cối để độ bèn hiện thân hoa, cỏ, cây cối, thật sự đắc đại tự tại! Năng lực ứng hóa bình đẳng,

viên mãn, chẳng có mảy may sai biệt, đó là sáu thứ bản năng được khôi phục viên mãn. Chúng ta phải liễu giải thần thông, chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng! Chúng là bản năng, bị nghiệp chướng của chính chúng ta ngăn trở [nên chẳng thể hiển hiện]. Hễ nghiệp chướng tiêu trừ, năng lực bèn khôi phục.

Tiếp theo đó là giải thích đơn giản ý nghĩa của Thần và Thông. Thần là thần kỳ, chẳng thể lường, vượt ngoài kiến thức thông thường của chúng ta. Ngày hôm qua tôi đã phân tích cùng quý vị, thông đạt chân tướng của vạn sự vạn vật, kinh Phật gọi [chân tướng ấy] là “*chư pháp Thật Tướng*”, thông đạt chư pháp Thật Tướng sẽ được gọi là Thần, người Trung Quốc gọi hạng người ấy là Thánh. Thần và Thánh có cùng một ý nghĩa, đều là “thông đạt, hiểu rõ”. Tiếp đó, Thông là chẳng có chướng ngại, Thần là thông đạt chẳng bị chướng ngại. Tiếp đó, “*Đạt giả, Gia Tường viết: Đạt giả, ngôn chứng*”, (“Đạt”, ngài Gia Tường bảo: “Đạt ý nói là chứng”), có nghĩa là chứng. “*Chứng Lục Thông, Tam Minh đẳng thị dã*” (chính là chứng Lục Thông, Tam Minh v.v...). Tam Minh vẫn là Lục Thông, Tam Minh là Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lưu Tận Minh, ba thứ năng lực ấy đã đạt tới rốt ráo viên mãn. Trên thực tế, ba thứ này đạt tới rốt ráo viên mãn thì cả sáu thứ kia đều đạt đến rốt ráo viên mãn, tại Như Lai quả địa gọi là Tam Minh, tại [địa vị] Bồ Tát gọi là Lục Thông, cũng là do trình độ công phu [sai khác] mà có danh xưng khác biệt.

“*A Nan đương thời, tuy vị đắc Lưu Tận*” (tuy thuở ấy ngài A Nan chưa đắc Lưu Tận). Lúc đức Thế Tôn tại thế, ngài A Nan thị hiện làm Tu Đà Hoàn, chỉ chứng Sơ Quả. Vì sao? Vì đa văn, chuộng đa văn, cũng có nghĩa là: Công phu định lực còn yếu kém một chút. Những đồng học khác đều là chuyên tâm tu hành, đều có thể chứng từ Tứ Quả trở lên, ngài A Nan vẫn mang thân phận Tu Đà Hoàn; vì sao cũng có thể gọi là “đại thánh?” Ở đây, tuy Ngài chưa đắc Lưu Tận, “*đản dĩ đương cơ, ưng tu tịnh liệt*” (do là đương cơ nên cũng xếp vào số các vị [đại thánh]). Vì A Nan sẽ truyền giáo pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Có hai người truyền pháp của đức Thế Tôn: Tôn giả Đại Ca Diếp truyền Thiên, truyền Tông Môn, A Nan truyền Giáo Hạ, đa văn đệ nhất. Trên thực tế [hai Ngài] đều là đại quyền thị hiện, đại quyền là Pháp Thân Bồ Tát, thậm chí là cổ Phật tái lai. Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ. Trên sân khấu, các Ngài mang thân phận khác nhau, nhưng sau sân khấu đều là chư Phật Như Lai lỗi lạc. Do vậy, cũng xếp [ngài A Nan] vào hàng đại thánh.

Tiếp đó, trong Tịnh Ảnh Sớ có giải thích: “*A Nan tăng thượng lợi căn, tuy cư học địa, vị đắc Vô Học quả vị*” (A Nan lợi căn tăng thượng, tuy còn ở địa vị Hữu Học, chưa đạt được quả vị Vô Học). Vô Học là A La Hán, đây là Tứ Quả, Tứ Hướng trong Tiểu Thừa, quả vị A La Hán là Vô Học, đã tốt nghiệp. Ngài A Nan mới là Sơ Quả, trong tám tầng cấp, Sơ Quả thuộc loại thứ hai. “*Nhi thành vô thượng thắng diệu công đức, cố viết đại thánh*” (nhưng thành tựu công đức vô thượng thắng diệu, nên gọi là Đại Thánh). Ngài là bậc lợi căn tăng thượng, người Hoa nói là “*nghe một, ngộ cả ngàn*”, trí nhớ và sức lý giải vô cùng mạnh mẽ, không chỉ các vị A La Hán dưới tòa của đức Thế Tôn chẳng bằng Ngài, mà rất nhiều vị Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng bằng, đều kém hơn. Pháp Thân đại sĩ chẳng cần phải nói nữa, Quyền Giáo Bồ Tát đều chẳng bằng Ngài. Vì thế, Ngài cũng được xếp vào đây, gọi là “đại thánh”. “*U thần thông trung, liễu giải tất cánh*” (đã hiểu biết trọn vẹn thần thông), phải đặc biệt mở dấu ngoặc ở đây: “Liễu giải tất cánh” là liễu giải triệt để, nên gọi là “*dĩ đạt*”. “*Thị cố A Nan diệc đắc danh liệt nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt*” (Do vậy, ngài A Nan cũng được nêu tên trong số “nhất thiết đại thánh thần thông dĩ đạt”).

Vì thế, đây là lời tán thán, ngài A Nan cũng được kể trong ấy. Đây là giới thiệu đơn giản, tán thán đức hạnh [của Thanh Văn chúng].

Tiếp đó, liệt kê năm vị tôn giả, năm vị này đều có tánh chất đại biểu. Ý nghĩa được bao hàm [trong danh hiệu của] mỗi vị đều vô cùng sâu. Sau khi hiểu rõ, mới biết những người được kể tên trong kinh điển nhất định là để biểu thị sự thù thắng của pháp hội ấy. Giống như hội nghị trong thế gian, quý vị thấy những ai tham gia hội nghị bèn hiểu rõ hội nghị ấy có tánh chất gì, họ đang thảo luận vấn đề gì. Xin quý vị hãy nhìn vào những vị ấy, thật sự liễu giải, biết bộ kinh này đại biểu điều gì, bàn luận những gì. Trên thực tế, những vị đệ tử ấy hội nào của đức Thế Tôn cũng tham gia, vì sao khi kết tập phải nhắc đến danh hiệu vị này, mà chẳng nhắc tới vị kia? Biểu thị pháp; dụng ý ở chỗ này. “*Kỳ danh viết, tôn giả Kiều Trần Như*” (Tên các Ngài là: tôn giả Kiều Trần Như), đây là vị thứ nhất. “*Tôn giả*” là văn tự Trung Quốc, tiếng Phạn là A Lê Da (Ārya), A Lê Da dịch sang nghĩa tiếng Hán là: “*Thánh giả, tôn giả, vị trí đức cụ tôn giả, nãi A La Hán chi tôn xưng*” (Thánh Giả, Tôn Giả, tức là bậc trí và đức đầy đủ đáng tôn trọng, cũng là tiếng tôn xưng bậc A La Hán). Hiện thời, ở Trung Quốc cũng có thói quen xưng hô như vậy, tại Trung Quốc Đại Lục rất phổ biến, tôn kính người nào đó thì [thêm từ ngữ] “đáng tôn kính” [vào sau tên người đó], đây chính là “tôn giả”, đây là một cách xưng hô tôn kính nhất. Tại Trung Quốc, rất nhiều từ ngữ được dùng trong đàm thoại vốn phát xuất từ kinh Phật. Vì vậy, trước kia, cụ Triệu Phác Sơ thường nói: “*Nếu người Trung Quốc không dùng đến Phật giáo thì nói năng cũng chẳng được!*” Câu nói ấy rất có lý, quý vị thấy rất nhiều ngôn từ trong đàm thoại toàn bộ đều phát xuất từ kinh Phật. “*Tôn kính*” là chữ phát xuất từ “*tôn giả*” trong kinh Phật. Có đức đáng tôn trọng nên nói là tôn giả, đây là bậc có đạo đức, có địa vị. “*Hội Sớ viết: Tôn vị tôn quý, hữu đức khả quý, cố viết Tôn Giả*” (Sách Hội Sớ giảng: “Tôn là tôn quý, có đức đáng quý, nên gọi là Tôn Giả”), nhằm giải thích hai chữ ấy có nghĩa là người ấy đức hạnh, học vấn, địa vị, công hiến cũng đều có điểm đặc thù, Vì thế, được đại chúng trong xã hội gọi là “tôn giả”, nghĩa là đáng tôn kính.

Tiếp đó, nói về tên của các Ngài: “*Kiều Trần Như Phạn văn toàn danh, tác A Nhã Kiều Trần Như. A Nhã thị danh, Kiêu Trần Như thị tánh*” (Kiêu Trần Như: Tên gọi đầy đủ trong tiếng Phạn là A Nhã Kiêu Trần Như (Ājñātakaundinya). A Nhã là tên, Kiêu Trần Như là họ). Họ ấy được dịch ra [tiếng Hán] sẽ là Liễu Bôn Tế, hoặc Tri Bôn Tế. Đơn giản hơn một chút [sẽ dịch] là Dĩ Tri hoặc Vô Tri, có mấy ý nghĩa ấy. Lão cư sĩ rất dụng tâm, nhằm thuận tiện cho chúng ta, cụ đã giải thích chữ Vô Tri: “*Vô Tri chi nghĩa, phi vô sở tri, thị tri Vô chi nghĩa*” (Vô Tri không có nghĩa là chẳng biết gì, mà có nghĩa là biết được cái Không). Đối với ý nghĩa này, chắc kẻ sơ học vẫn chẳng hiểu rõ lắm. Kinh Bát Nhã dạy: “*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”, Vô Tri là Căn Bản Trí, không gì chẳng biết là Hậu Đắc Trí. Vô Tri là Căn Bản Trí, tức là biết Vô. Ngài là người thứ nhất khai ngộ, chúng A La Hán sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo. Kinh Niết Bàn có nhắc tới câu chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, một mực tu hành, người ta thường gọi Ngài là Nhẫn Nhục tiên nhân. Một hôm, gặp vua Ca Lợi. Ca Lợi (Kalingarāja) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Bạo Ngược, là một ông vua hung bạo, chẳng phải là một ông vua tốt. [Nhẫn Nhục tiên nhân] gặp phải một người như thế, bị nhà vua cắt chặt thân thể. Vua hỏi tiên nhân: “Nhà ngươi sống trong hang núi, tu gì vậy?” Tiên nhân nói: “Tu Nhẫn Nhục”. Được lắm, ta coi thử ngươi có nhẫn nổi

hay không? Chặt người một đao, có thể nhẫn hay không? Nhẫn được! Lại chặt một nhát nữa, một mực xử tử lăng trì tiên nhân. Vua Ca Lợi nói: “Thử coi người còn sanh lòng tức giận hay chẳng? Có oán hận hay không?” “Chẳng oán hận”. Cuối cùng, trước khi chết, [tiên nhân] bảo vua Ca Lợi: “Trong tương lai, tôi thành Phật, người tôi sẽ độ đầu tiên là bệ hạ”. Nhẫn Nhục tiên nhân là Thích Ca Mâu Ni Phật, tôn giả Kiều Trần Như là vua Ca Lợi thuở ấy. Nói sao làm vậy, đúng là người thứ nhất được độ là tôn giả. Vì thế, Ngài là đệ tử đầu tiên của đức Thế Tôn, là người thành tựu đầu tiên. Điều này đại biểu điều gì? Đại biểu bộ kinh này là bộ kinh bậc nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật, nương theo bộ kinh này tu hành sẽ là đệ tử bậc nhất của Phật Thích Ca, biểu thị ý nghĩa ấy. Pháp môn này là pháp môn bậc nhất để Thích Ca Mâu Ni Phật phổ độ chúng sanh, nên xếp ngài Kiều Trần Như lên đầu. Các vị thấy rất nhiều kinh điển có nêu tên ngài Kiều Trần Như đầu tiên hay không? Chẳng có! Chỉ có kinh Vô Lượng Thọ kinh xếp tên Ngài vào đây, chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Tri Vô là thật sự liễu giải chư pháp Thật Tướng, đúng như kinh Đại Bát Nhã đã nói: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Đó là Căn Bản Trí. Thật sự hiểu rõ, khẳng định, quý vị nói Ngài còn có gì chẳng thể buông xuống? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống sẽ chứng quả, chứng quả gì? Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thành Phật. Nếu thành Phật mà tập khí còn chưa đoạn hết, Thiên Thai đại sư gọi quả vị Phật ấy là Phần Chứng Túc Phật, chưa phải là viên mãn Phật, mà là Phần Chứng Túc Phật. Xét theo Lý, Phần Chứng Túc Phật và viên mãn Phật có sai biệt do tập khí phiền não chưa đoạn trọn vẹn, nhưng về mặt tướng, mặt Sự, chẳng có sai biệt mảy may. Vì tập khí chẳng phải là Kiến Tư phiền não, chẳng phải là Trần Sa phiền não. Tập khí Kiến Tư và Trần Sa phiền não có tác dụng; tập khí vô minh gọi là khởi tâm động niệm, tập khí vô minh chẳng trở ngại Sự, chẳng hề chướng ngại tự hành, hóa tha, cho nên Ngài có thể hiện thân khắp pháp giới.

Trong Tịnh Ảnh Sớ nói: A là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô. Quý vị thấy A Di Đà Phật, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, hoặc dịch là Trí. Danh hiệu này chẳng phải là không thể dịch sang tiếng Hán, nhưng do tôn trọng nên không dịch. Do bao hàm nhiều nghĩa nên không dịch, nó có hai ý nghĩa, nên vẫn phải dịch âm rồi chú giải thêm. “*Nhã chi ngôn Trí*” (Nhã là Trí), dịch sang nghĩa tiếng Hán là Trí. Hợp [hai chữ A và Nhã] lại là Vô Trí. Vô Trí nghĩa là gì? “*Chúng vô thành trí*”, tức là vô sở hữu trí, thật sự liễu giải hết thấy các pháp vô sở hữu, “*cố danh Vô Trí*” (nên gọi là Vô Trí). “*Vô, thị nhất thiết chư pháp bốn tánh*” (Vô là bốn tánh của hết thấy các pháp), cho nên “*danh vi Bốn Tế*” (gọi là Bốn Tế). Bốn Tế là bốn tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta học bốn tánh đã nhiều năm ngàn ấy, tuy chưa phải là cảnh giới của chính mình, nhưng nghe đức Phật giảng trong kinh, nghe nhiều lượt, cũng biết một hai điều, có thể nói rõ ràng, mình bạch chuyện này, tuy chưa phải là cảnh giới của chính mình, vì sao? Chưa buông khởi tâm động niệm xuống. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật thường giảng: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, kinh Kim Cang dạy: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Đó là Liễu Bốn Tế, Bốn Tế là bốn tánh, là chân tâm. Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta về y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, quý vị có thể



tham thấu suốt hai câu ấy, tâm sẽ định. Hết thấy các pháp do tâm hiện, do tự tánh hiện, mà cũng do Bản Tế hiện.

Bản Tế, bản tánh, chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, hiện tượng gì cũng đều không có, nhưng nó có thể sanh, có thể hiện. Thuở ấy, Huệ Năng đại sư kiến tánh, đã nói năm câu nhằm hình dung tình trạng kiến tánh, được hòa thượng Ngũ Tổ Nhãn chứng minh. [Trong đó], câu thứ ba là “*nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Câu cuối cùng là “*nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”. Gộp hai câu này lại để xem, khi tự tánh chẳng khởi tác dụng, thứ gì cũng đều không có, quý vị chẳng thể nói nó là Không, vì thứ gì nó cũng trọn đủ. Thứ gì cũng trọn đủ, nhưng đều chẳng hiện. Khi nó khởi tác dụng bèn có thể sanh ra vạn pháp. Vì thế, khi nó chẳng hiện, tức là ẩn, khi hiện là hiển lộ. Ẩn và hiển chẳng hai. Khi ẩn, chẳng thể nói nó là Vô, khi hiện tướng, nó có thể sanh ra vạn pháp, chẳng thể nói là nó Hữu. Giống như hiện thời chúng ta nhìn vào màn hình TV, quý vị thấy màn hình TV hể vắn trúng băng tắn, tướng bèn hiện tiền. Khi tướng hiện tiền, chẳng thể nói nó là Có. Khi tắt máy đi, chẳng còn hiện tướng, chẳng thể nói nó là Không. Chúng ta dùng tỷ dụ này, tỷ dụ này rất thô, dễ liễu giải, tự tánh giống như vậy đó. Vì sao nó có thể hiện? Điều này được kinh Phật giảng rất nhiều, kinh Đại Thừa thường nói: “*Nhất niệm bất giác bèn có vô minh*”, vô minh là gì? Vô minh là A Lại Da. A Lại Da do đâu mà có? Nhất niệm bất giác. Bản Tế là từ trong bản tánh dấy lên A Lại Da, A Lại Da chẳng có lý do gì, quý vị cũng chẳng thể hỏi vì sao một niệm bất giác? Vì sao có A Lại Da? Chính quý vị hãy khéo suy nghĩ, quý vị hỏi câu ấy, phân biệt nổi lên, chấp trước cũng dấy lên, quý vị càng mê sâu hơn. Làm như thế nào mới có thể liễu Bản Tế? Liễu (了) là hiểu rõ. Vì thế, các nhà khoa học chẳng thể sánh bằng các vị đại thánh này. Những vị đại thánh này có thể kiến tánh, khoa học gia chẳng thể kiến tánh. Vì sao? Họ biết hỏi, phát hiện: “*Vì sao có cái này, vì sao có cái kia?*”, thêm vô đó bao nhiêu dấu hỏi. Quý vị thấy từ khởi tâm động niệm biến thành phân biệt, phân biệt do khởi tâm động niệm mà có, chấp trước do phân biệt mà có, càng bị hãm sâu hơn.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói chuyện này từ ba ngàn năm trước, Ngài giảng cho chúng ta biết tám thức, giảng về tác dụng của mỗi thức. Nói theo cách bây giờ, A Lại Da là ký ức, vì sao chúng ta có thể nhớ được những chuyện đã từng trải qua? Có nhớ được chuyện trong đời quá khứ hay không? Vẫn nhớ! Vì sao biết quý vị nhớ được? Quý vị thấy hiện thời thuật thôi miên ở ngoại quốc có thể làm cho một người trở về khá nhiều đời trong quá khứ. Tôi đọc một báo cáo, nói chung là rất khó có, người [được thôi miên] ấy có thể trở lại hơn tám mươi đời trong quá khứ, tình hình mỗi đời đều biết rõ ràng. Tám mươi đời là trở lại hơn bốn ngàn năm trước, còn ở trong hang động, chưa có nhà ở, người ấy có thể nói ra tình hình cuộc sống lúc đó. Vì sao người ấy có thể nhớ được? A Lại Da là kho tài liệu, những chuyện chúng ta đã trải qua trong đời đời kiếp kiếp, tài liệu đều được gìn giữ trong đó. Quý vị thấy thôi miên có thể lôi ra các tài liệu. “*Tái lai*” là công phu định lực bình thường, trong Thiền Định có thể lấy ra toàn bộ những ký ức từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. A Lại Da là ký ức, Mạt Na là chấp trước, Ý Thức là phân biệt, năm thức trước chỉ có tác dụng chiếu kiến, chứ không có tác dụng nào khác. Chúng ta mắt thấy, tai nghe, giống như máy chụp ảnh, mắt giống như máy chụp ảnh, thu vào sắc tướng bên ngoài, tác dụng của nó ở chỗ này. Nhãn Thức không phân biệt, cũng chẳng chấp trước. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, thấy như thế nào? Thức thứ sáu, tức Ý Thức, chẳng thấy bên ngoài, mà thấy

hình ảnh được soi chiếu bởi Nhãn Thức. Thức thứ sáu, tức Ý Thức, duyên theo Tướng Phần của Nhãn Thức. Tướng Phần từ bên ngoài chiếu vào [Ý Thức], [Ý Thức bên] duyên theo Tướng Phần ấy, khởi lên phân biệt nơi Tướng Phần. Thức thứ bảy lại duyên theo Tướng Phần của thức thứ sáu, từ Tướng Phần của thức thứ sáu mà khởi chấp trước, hư vọng! [Thức thứ sáu và thức bảy] chẳng thật sự thấy cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài chỉ có trong năm căn trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chúng là cảnh giới Hiện Lượng.

Do vậy, thức thứ sáu và thức thứ bảy là đối tượng được duyên (sở duyên) bởi A Lại Da. A Lại Da có cảnh giới Hiện Lượng, thức thứ sáu và thức thứ bảy chẳng có cảnh giới Hiện Lượng, chúng đúng là Tỷ Lượng, đó là hư vọng. Quý vị thấy chúng khởi phân biệt, khởi chấp trước nơi đó, há chẳng phải là giống như chúng ta xem TV, từ hình tướng của TV bèn dấy lên phân biệt, chấp trước, chẳng phải là ở ngay nơi hiện trường (cảnh giới thật sự). Khi nào có thể đạt đến hiện trường? Chuyện A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, quý vị sẽ thấy hiện trường. Khi quý vị chưa chuyển thức thành trí thì quý vị chưa thấy hiện trường, nay chúng ta ngỡ đó là hiện trường, sai rồi, chẳng phải vậy! Chẳng phải là hiện trường! Tâm Lý Học của Duy Thức cao lắm, khoa Tâm Lý Học trong đại học hiện thời đem so với Duy Thức sẽ thua kém quá xa. Duy Thức giảng thật vi tế, giảng thật sự có lý. Vì vậy, mỗi ngày chúng ta tạo nghiệp, quý vị nói xem có phải là tạo nghiệp oan uổng lắm không? Chẳng phải là hiện trường! Thật sự thấy hiện trường, sẽ chẳng tạo nghiệp. Hiện trường là cảnh giới gì? Quý vị trông thấy chân tướng, trong kinh Phật nói “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”. Hết sức khó có, phát hiện của các khoa học gia Lương Tử hiện thời ngày càng gần với giáo pháp Đại Thừa, họ phát hiện ba tế tướng của A Lại Da. Tám thức, năm mươi một Tâm Sở, tám thức có bốn phần, Tâm Sở cũng có bốn phần: Tự Chứng Phần, Chứng Tự Chứng Phần, Tướng Phần, và Kiến Phần. Đó kiến thức cơ bản thông thường trong Phật pháp Đại, Tiểu Thừa, quý vị chớ nên không biết. Nếu quý vị không biết, sẽ chẳng có phương pháp nào tác quán, chẳng có cách nào tu Chỉ Quán. Phương pháp tu hành Chỉ Quán được kiến lập trên cơ sở này, quý vị phải liễu giải chân tướng sự thật.

Hiện thời, khoa học có thể hiểu rõ cuộc đàm thoại giữa đức Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc Bồ Tát đáp câu hỏi của đức Phật: “*Tâm hữu sở niệm?*” (tâm có mấy niệm), phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, trong tâm dấy lên một niệm thì trong một niệm ấy có bao nhiêu niệm vi tế hiển hiện? Trong niệm ấy có mấy Tướng Phần, có mấy Kiến Phần? Kiến Phần là thức, Tướng Phần là hình trạng, chúng ta gọi nó là vật chất. Do vậy, Tướng Phần là cảnh giới tướng, Kiến Phần là chuyển tướng. Vì sao? Nó có thể chuyển biến, “*duy thức sở biến*” là nói về chuyển tướng, nó có thể biến. Di Lặc Bồ Tát trả lời: “*Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Hiện thời khoa học dùng giây làm đơn vị, tức là đối với thời gian dùng giây làm đơn vị. Trong một giây, chúng ta có thể khảy ngón tay mấy lần? Nói chung, tôi khảy vẫn chưa đủ nhanh, tôi tin là có người khảy nhanh hơn tôi. Tôi có thể khảy bốn lần, tôi tin [người khác] có thể khảy đến năm lần. Chúng ta tính ra, một cái khảy ngón tay là ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, tức là ba trăm hai mươi triệu niệm. Nếu tính một giây có thể khảy năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, đơn vị là triệu. Một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế. Niệm ấy xuất hiện gì? Xuất hiện hiện tượng vật chất, và cũng xuất hiện hiện tượng tinh thần, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời. Khoa học gia phát hiện, họ nói hiện tượng vật chất là từ

Không sanh ra Có, tốc độ quá nhanh, giống như vừa sanh ra bèn tiêu diệt ngay lập tức. Trước mắt, chúng ta thấy hiện tượng vật chất là gì? Là huyền tượng do ý niệm liên tục tích lũy phát sanh. Phát hiện của các nhà Lượng Tử Lực Học hiện đại và lời giảng của Di Lạc Bồ Tát đúng là “không bàn định mà cùng phù hợp”. Đức Phật dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*” là nói tới chuyện này, giống như chúng ta vặn đúng một băng tần của TV, trên màn hình bèn hiện tượng, tình trạng là như vậy đó. Quý vị thấy tượng được hiện trên màn hình là do những điểm sáng nhỏ liên kết thành, hợp thành, chẳng thật. Mỗi điểm sáng nhỏ chẳng phải là giống như Di Lạc Bồ Tát đã giảng, trong một giây lóe sáng bao nhiêu lần? Một ngàn sáu trăm triệu lượt, trong một giây [đã là như vậy] thì nó có thật ở chỗ nào? Chúng ta hoa mắt, lầm tưởng là chân thật, vẫn khởi phân biệt, khởi chấp trước trong ấy rồi tạo nghiệp, quý vị nói xem có oan uổng hay không? Nhưng [chúng ta] chẳng biết những vị thánh giả đã thấy rất rõ ràng: “*Bản thể chính là không, trọn chẳng thể được!*” Do vậy, quý vị có thể tán thưởng hiện tượng, nhưng ngàn muôn phần đừng nên chấp trước chúng, chớ khởi ý niệm không chế, chiếm hữu chúng, [nếu không chế, chiếm hữu] quý vị đã hoàn toàn trật lất rồi. Căn bản là không có chuyện này!

Chúng ta phải học theo chư Phật, Bồ Tát, phải biết nhìn những hiện tượng ấy như thế nào? Chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng thể nói là nó có, cũng chẳng thể nói là nó không có, giữ thái độ ấy, quyết định chẳng chấp trước. Dùng tâm thái gì? Dùng tâm thái thuần tịnh thuần thiện để nhìn vũ trụ, vũ trụ hoàn toàn bảo trì hiện tượng bình thường. Nói theo cách bây giờ, sự bình thường ấy là lành mạnh nhất, viên mãn nhất, tốt lành nhất. Người Trung Quốc nói “*chỉ u chí thiện*” (đạt tới tốt lành tột bậc), thuần tịnh, thuần thiện là “*chỉ u chí thiện*”. Trong tôn giáo gọi “*chỉ u chí thiện*” là thiên đường, Phật môn gọi nó là thế giới Hoa Tạng hay thế giới Cực Lạc. Thật ra, thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc và chúng ta có gì khác nhau? Thừa quý vị, giống hệt, chẳng có sai biệt một tí nào, nhưng trong sự giới thiệu của đức Thế Tôn, sai biệt rất lớn. Sai biệt do đâu mà có? Sai biệt là do tâm tưởng khác nhau, nên sai biệt to lớn. Trong tâm quý vị tưởng thiện, thứ gì trong thế giới này cũng đều tốt đẹp. Trong tâm quý vị nghĩ đến tham, sân, si, mạn, nghĩ đến tự tư tự lợi, thị phi, nhân ngã, chẳng có gì trong thế giới này là thiện. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất hay, tướng tùy tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm, ý niệm của quý vị có thể chuyển biến thế giới. Tôi nghĩ dăm ba năm nữa, Lượng Tử Lực Học sẽ phổ biến khắp cả thế giới, sau khi đại chúng đều có thể tiếp nhận, địa cầu là nơi chúng ta cư trú sẽ biến đổi, vì sao? Con người liễu giải, hiểu rõ chân tướng sự thật, chỉ cần ý niệm của chúng ta là thiện, tất cả tai nạn trên địa cầu đều không có, vì nó là cảnh giới, cảnh giới do tâm hiện, thức biến.

Vì sao trước đây hoàn cảnh tốt đẹp như vậy, sau khi khoa học phát triển, bèn có lắm tai nạn dường ấy? Cũng vì trước kia, tâm con người thuần hậu, dục vọng rất thấp. Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta thấy Ngài gần như không có dục vọng, suốt đời sống một cuộc đời đơn giản nhất, ba y, một bát, tối nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, cả đời lão nhân gia đã làm cho chúng ta thấy. Thứ gì cũng đều không có, thứ gì Ngài cũng chẳng cần, mỗi ngày giảng kinh, giáo học, mang thân phận gì? Thầy, nói theo cách chúng ta, Ngài mang chức nghiệp giáo sư. Ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ bèn dạy học, chẳng gián đoạn ngày nào, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Vì thế, trong kinh thường nói lão nhân gia cả đời giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Hội giảng kinh giống như hiện thời chúng ta mở khóa học, Ngài tổ chức các khóa học hơn ba trăm

lần, thời gian có lúc dài, lúc ngắn, nhỏ thì là mấy người, [giảng] mấy giờ, lớn là mấy năm, thảo luận một chuyên đề lớn. Pháp hội lớn hay nhỏ như vậy rất nhiều, Ngài thị hiện cho chúng ta, chẳng chấp trước mây may, hết sức cởi mở. Có những quốc vương hay đại thần có hoa viên, có biệt thự, thỉnh Ngài đến đó, trụ ở nơi ấy giảng kinh, Ngài cũng nhận lời. Ngài cũng chẳng nhất định cần [phải có nơi chốn u tịch để giảng dạy], ta nhất định phải trụ trên núi, chẳng phải vậy, tùy duyên, vô cùng tùy thuận, hòa đồng. Kinh giảng xong, nơi khác có người mời đi, Ngài bèn đến nơi khác. Sống động, hoạt bát, tự tại lắm, chẳng có mây may trói buộc gì!

Chúng ta phải quan sát sâu xa, liễu giải, học tập những điều ấy. Bởi lẽ, lão nhân gia thật sự tùy duyên tự tại, mây may dục vọng đều chẳng có. Vì sao? Ngài thật sự đạt được vô ngã; vì thế, vô ngã mới là thật sự nhập môn Phật giáo. Quý vị thầy Tu Đà Hoàn đã phá Thân Kiến, chẳng còn nghĩ thân là ta. Phá Biên Kiến, phá Biên Kiến sẽ chẳng thấy đối lập, Biên (邊) là nhị biên (hai bên), tức đối lập. Đối lập mới có mâu thuẫn, mới có xung đột. Do vậy, những điều ấy thầy đều không có. Không có thành kiến, Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến đều thuộc về thành kiến, thành kiến được nói thành hai loại. Đức Phật giảng sâu hơn một chút, một là thành kiến nơi nhân, hai là thành kiến nơi quả, hai thứ. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi nhân. Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi quả. Loại cuối cùng là Tà Kiến, tức cách nhìn sai lầm, nên gọi là Tà Kiến. Những thứ ấy đều buông xuống hết, đều đoạn sạch hết, sẽ chứng quả Tu Đà Hoàn. Trong Đại Thừa, theo kinh Hoa Nghiêm, đó là địa vị Sơ Tín Bồ Tát, chính là thánh nhân, mới nhập môn! Nhập môn rất khó, sau khi nhập môn sẽ dễ dàng, đúng là thuận buồm xuôi gió, từng bước tiến cao hơn.

Thuở ấy, lúc tôi mới học Phật, người xuất gia tôi được tiếp xúc lần đầu tiên là Chương Gia đại sư, tôi hướng về lão nhân gia thỉnh giáo: “Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho con, nên con biết trong ấy có đại học vấn, triết học cao cấp, có phương pháp nào khiến cho chúng ta khế nhập rất nhanh hay chẳng?” Chương Gia đại sư bảo: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, anh sẽ khế nhập!*” Đúng vậy, Ngài chẳng nói lời giả, ngày đầu tiên đã giải bày toàn bộ. Tôi học nhiều năm như thế mới biết, từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, dùng công phu gì? Thấy thấu giúp buông xuống, buông xuống giúp thấy thấu. Hai thứ này giúp lẫn nhau thành tựu mãi cho đến địa vị Như Lai. Bắt đầu từ chỗ nào? Trước hết, bắt đầu từ buông xuống, buông tự tự tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, quý vị bắt đầu từ chỗ ấy. Quý vị chẳng thực hiện từ chỗ ấy, sẽ chẳng có cách nào thấy thấu suốt. Sau khi thấy thấu suốt, nó sẽ giúp quý vị buông xuống sâu hơn, đó là công phu giúp đỡ, thành tựu lẫn nhau. Đây là bí quyết trong Phật pháp, không có gì khác, nói xuyên suốt, chẳng có tí ti hiềm hoi, lạ lùng nào, siêu phàm nhập thánh! Hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử nói hết thảy các pháp đều thuộc về “trong Không sanh ra Có”, sanh rồi bèn diệt, sanh diệt đồng thời, đây là nói chúng ta đã hiểu rõ Bản Tế, nên gọi là Liễu Bản Tế.

“*Kiều Trần Như u Thế Tôn sơ chuyển pháp luân, độ ngũ tỳ-kheo thời, thủ tiên ngộ đạo*” (lúc đức Thế Tôn chuyển pháp luân lần đầu tiên, độ năm tỳ-kheo, ngài Kiêu Trần Như ngộ đạo đầu tiên). Ngài chứng quả A La Hán, người đầu tiên chứng quả A La Hán chính là Ngài. Trong Pháp Hoa Văn Cú, Pháp Hoa Văn Cú do Trí Giả đại sư soạn, có nói: “*Thị Thích Ca pháp trung đệ nhất đệ tử*” (là đệ tử thứ nhất trong pháp của Thích Ca Mâu

Ni Phật), câu này rất quan trọng. Trong kinh này, nếu đã ghi tên của Ngài, tức là biểu thị pháp: Kinh này là kinh bậc nhất để Phật Thích Ca độ chúng sanh, biểu thị ý nghĩa ấy. “*Tăng Nhất A Hàm Kinh Đệ Tử phẩm trung, Phật xưng vi chi: - Ngã Thanh Văn trung đệ nhất tỳ-kheo, khoan nhân, bác thức, thiện năng khuyến hóa, tương dưỡng thánh chúng, bất thất oai nghi*” (Trong phẩm Đệ Tử của kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật đã khen ngợi [ngài Kiều Trần Như]: “Tỳ-kheo bậc nhất trong các Thanh Văn của ta, lòng nhân rộng lớn, kiến thức rộng rãi, khéo khuyên răn, giáo hóa, dẫn dắt bồi dưỡng thánh chúng, oai nghi chẳng thiếu sót”). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán tôn giả, giống như Không lão phu tử tán thán những người thành tựu trong các môn đệ, phu tử thường khen ngợi Nhan Hồi. Điều khó có nhất của Nhan Hồi là “*bất nhị quá*” (chẳng tái phạm làm lỗi), điều này rất khó thực hiện, thật sự sám hối. [Ngài Kiều Trần Như] là tỳ-kheo bậc nhất trong các đệ tử Thanh Văn, là người chứng A La Hán đầu tiên. “*Khoan nhân*”: Khoan hồng, độ lượng, nhân từ, bác ái; lại hiếu học. “*Bác thức*” là hiếu học, chúng ta nói là tri thức uyên bác. “*Thiện năng khuyến hóa*”: Ngài giáo học vô cùng thành công. Đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy không có khoa học kỹ thuật hiện đại, đức Phật muốn phổ độ chúng sanh nhất định phải có các đệ tử giúp sức. Những môn đệ hằng ngày đi khát thực đều nhằm giáo hóa chúng sanh. Khi khát thực, nhất định phải thuyết pháp cho trai chủ, chẳng thể nào xin xong bèn bỏ đi, chẳng có đạo lý ấy. Người ta dùng tài bố thí, bố thí quý vị một bát cơm, người xuất gia báo đền thí chủ bằng pháp bố thí. Nếu người ta hỏi vấn đề gì, nhất định quý vị phải giải đáp giúp người ấy. Lúc chẳng có câu hỏi nào, quý vị phải biết quan sát căn cơ, thuyết pháp cho người tức là “*vô vấn tự thuyết*” (không hỏi mà tự nói), phải thuyết pháp cho người ấy. Nếu chẳng có gì hết, thì cuối cùng tối thiểu là phải chúc phước cho người ấy, chúng ta nói là “*kỳ đảo chúc phước*”, phải chúc phước cho thí chủ thì mới có thể tiếp nhận sự cúng dường của người ta. Chẳng nói tức là đã tiếp nhận cúng dường suông, sau đó chẳng có gì hết, không thể được! Vì thế, hễ gặp dịp bèn giáo dục, giáo dục trọn khắp cõi đời.

Lời đức Phật làm cách nào để truyền đến tai quần chúng, khiến cho quần chúng nghe sự giáo hóa của Phật bèn y pháp phụng hành? Kinh thường nói những vị đệ tử ấy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, kinh này nói có một vạn hai ngàn vị tỳ-kheo, nhiều quá, giống như kinh Pháp Hoa. Vì thế, quý vị hiểu thờ Phật Đà tại thế, Phật giáo là gì? Là giáo dục, giáo dục chính công! Đức Phật chẳng thay đổi, mãi cho đến khi Ngài viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi, hoàn toàn là giáo học, chúng ta phải biết điều này. Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, thế hệ chúng ta những kẻ học trò đời sau, là kẻ đại bất hiếu, có sao biến [giáo hóa] của thầy thành tôn giáo và mê tín? Dựa vào điều này, chúng ta đáng đọa địa ngục, lẽ nào chẳng có lỗi đối với thầy? Vì thế, ngày hôm nay, chúng ta có sứ mạng phải thay thầy đảo ngược tình thế, xoay ngược lại cục diện bằng cách nào? Bản thân chúng ta làm gương, chúng ta đi theo phương hướng giáo dục của đức Phật, khiến cho mọi người thấy chúng ta chẳng phải là tôn giáo. Trong tôn giáo có thần, trong Phật giáo chẳng có thần. Chúng tôi tiếp xúc rất nhiều tôn giáo, các tôn giáo đều nói trong vũ trụ chỉ có một chân thần, chúng ta gọi chân thần là bản tánh, chân tâm là tự tánh, vũ trụ do tâm hiện, thức biến. Họ nói chân thần tạo ra vũ trụ, tạo ra vạn vật, [còn Phật giáo bảo vạn vật do] tâm hiện, thức biến, chúng ta nói với họ như vậy, họ có thể tiếp nhận thì rất khó có. Vì thế, tôi hy vọng các tín ngưỡng tôn giáo hãy khéo học tập giáo dục tôn giáo. Dùng tiếng Hán để giải thích hai chữ Tôn Giáo sẽ thấy hay tốt bậc. Tiếng ngoại quốc truyền tới Trung Quốc,

thuở ấy, người Trung Quốc đúng là có trí huệ, học vấn, đức hạnh, đã dùng hai chữ “*tôn giáo*” (宗教)<sup>2</sup> để dịch [chữ Religion] rất hay! Phải giảng chữ Tôn như thế nào? Quý vị tra tự điển sẽ thấy nó có ba ý nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, tôn sùng. Giáo là giáo dục, giáo học, giáo hóa. Hợp lại để nhìn, tôn giáo sẽ trở thành gì? Giáo dục chủ yếu, giáo học trọng yếu, giáo hóa đáng tôn sùng. Chúng ta đem những ý nghĩa trong danh từ này để nói rõ với các tôn giáo trên thế giới, chẳng có ai không hoan hỷ.

Kinh chẳng phải để cho quý vị tụng. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, chưa có kinh sách, chúng ta biết kinh có từ lúc nào? Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật vãng sanh, các môn đệ trong quá khứ đã từng nghe thầy giáo huấn, ghi chép lại theo trí nhớ thành văn tự, lưu truyền cho hậu thế, đây là kinh điển. Kinh điển do vậy mà có! Thuở ấy, thầy dạy học toàn là nói miệng, ngay cả bản thảo bài giảng cũng không có, đại cương cũng không có. Quý vị nghe hiểu rõ ràng, thông suốt, phải làm theo, phải thực hiện, y giáo phụng hành. Cuối mỗi bài giảng đều là “*y giáo phụng hành*”, hoặc “*tín thọ phụng hành*” (tin nhận vâng làm), thường dùng bốn chữ ấy, tin tưởng thầy chẳng hoài nghi, hoàn toàn tiếp nhận, tiếp nhận là làm theo, đó gọi là học Phật. Chỉ niệm kinh suông, chẳng thể thực hiện những giáo huấn và nghĩa lý trong kinh thì sẽ là mê tín, tôn giáo ấy có ích gì cho xã hội? Tháng trước, vào đầu tháng Sáu, tôi đã theo phái đoàn tôn giáo Mã Lai đến thăm Phạm Đệ Cương (Vatican), gặp gỡ Giáo Hoàng và các giám mục thuộc Tòa Thánh, nghe họ báo cáo. Hồng Y Đào Nhiên (Jean-Louis Tauran) bảo tôi: “Trong thời đại này, người tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít hơn”. Họ đã thống kê, người chẳng tin tưởng tôn giáo mỗi năm một đông hơn, họ rất lo ngại. Trong lúc trao đổi, tôi cũng có trình bày, báo cáo, tôi nói vì sao thuở giáo chủ lập giáo có nhiều người tin tưởng dường ấy, có nhiều tín chúng ngàn ấy, học trò đều có thể y giáo phụng hành? Do giáo dục tốt! Quý vị xem nhé: [Tôn giáo] là giáo dục trọng yếu, giáo học chủ yếu, giáo hóa đáng tôn sùng, ai chẳng hoan hỷ? Trải qua các đời mãi cho đến hiện thời, trên cả thế giới, đạo Thiên Chúa có hơn mười ức tín đồ, nếu tính cả đạo Cơ Đốc, họ là một nhà, gộp thành hơn hai mươi ức; đây là tôn giáo lớn nhất trên thế giới. Phỏng đoán Y Tư Lan giáo (Islam) tối thiểu cũng có hơn mười ba ức [tín đồ], Phật giáo ít hơn một chút, khoảng chừng bảy sáu ức. Đó là những tôn giáo lớn trên thế giới, số người của ba tôn giáo gộp lại sẽ chiếm đến hai phần ba số người trên cả thế giới.

Hiện thời, ta thấy có hiện tượng suy yếu, vì sao bị suy yếu? Trước đây, tôn giáo là giáo học, lên lớp. Đặc biệt là Phật giáo, Phật giáo truyền tới Trung Quốc, tự viện, am đường là trường học, chẳng phải là miếu thờ; miếu là nơi cúng tế quỷ thần. Phật giáo gọi là Tự, mọi người hãy hiểu nguồn gốc của Tự là gì? Cơ quan làm việc của chính phủ, trực tiếp cai quản bởi hoàng thượng được gọi là Tự. Tự có địa vị cao nhất trong các cơ quan làm việc của chánh phủ. Lại còn, được vĩnh viễn thiết lập, chẳng thể thay đổi. Nếu quý vị có dịp đến thăm Cô Cung tại Bắc Kinh, sẽ thấy trong Cô Cung có chín Tự, tức chín cơ sở làm việc, treo biển đề bên ngoài [cho biết đó là] cơ cấu trông nom việc gì. [Những cơ quan công quyền] thuộc về Tể Tướng gọi là Bộ. Bộ có thể dẹp đi, hay thay đổi, có thể tăng thêm, tức là lập thêm, mà cũng có thể phế trừ; nhưng Tự thì không thể, Tự được thiết lập vĩnh cửu. Bởi lẽ, Phật giáo truyền đến Trung Quốc được đế vương tôn trọng như vậy, nên

2 Đúng ra phải đọc là Tông Giáo, nhưng chúng ta quen đọc chữ này thành “tôn giáo”.

gọi cơ cấu ấy là Tự. Vì thế, dưới hoàng đế có mười Tự, cũng viên mãn. Trước kia là chín Tự, thêm vào Phật Tự, trở thành mười Tự, viên mãn. Hoàng thượng dẫn đầu, dân chúng tôn kính hoàng thượng, cho nên giáo dục của Phật giáo phổ cập nhanh hơn Nho và Đạo, khắp mọi nơi trên cả nước đều có, ảnh hưởng rất lớn. Trong Tự luôn luôn là giáo học, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy suốt một đời. Vì thế, những người xuất gia trong chùa chiền có đức hạnh, có học vấn, thật sự dạy! Dạy ai? Quá nửa là người đọc sách; bởi lẽ, trước kia không có trường học, quốc gia chẳng lập trường học, trường học rất ít, những kẻ thích đọc sách đến đâu? Đến chùa miếu. Quý vị thấy Trung Quốc trải các đời, bao nhiêu Trạng Nguyên, Tể Tướng, toàn là học hành trong chùa miếu. Mọi người đều biết Phạm Trọng Yêm, ông ta là điển hình, học ở đâu? Trong chùa miếu. Chùa miếu bồi dưỡng nhân tài cho quốc gia, học khá rồi bèn đi thi, thi cử để lấy học vị. Trước kia học vị cấp huyện là Tú Tài, ở tỉnh là Cử Nhân, thi ở trung ương gọi là Điện Thí (thi Đình), [thi đậu sẽ có học vị] Tiến Sĩ, giống như Tiến Sĩ, Thạc Sĩ và Học Sĩ hiện thời. Thi lấy công danh, [thuở ấy] gọi là công danh, công danh là học vị. Giành được học vị, chánh phủ bổ nhiệm quý vị phục vụ đất nước, giao phó chức vụ. Do vậy, [nhà chùa] là trường học. [Các cơ cấu] của Nho, Thích, Đạo đều là trường học.

Lần này, tôi tham gia hoạt động của họ vì nghe những tin tức ấy; lúc đó, tôi nói: “Tôn giáo nhất định phải khôi phục giáo dục, thật sự có công hiến đối với xã hội, chẳng còn là mê tín. Làm chuyện hình thức là không được rồi! Chỉ có những nghi thức suông, không có giáo học, chắc chắn sẽ đi vào con đường diệt vong. Người ta không tin quý vị, cầu đảo có ích lợi hay không? Hữu dụng, nhưng người ta nói quý vị chẳng hợp khoa học, là phường mê tín. Nhất định phải là dạy học. Thuở tại thế, Gia Tô dạy ba năm, Ngài bị kẻ khác hại chết. Lúc còn sống, Mục Hãn Mặc Đức dạy hai mươi bảy năm. Thích Ca Mâu Ni dạy bốn mươi chín năm, có vị nào chẳng dạy học? [Các Ngài] đều là những vị thầy vô cùng tốt, thật sự có đức hạnh, có học vấn, chúng ta nhất định phải biết điều này. Đi theo con đường cũ của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục Phật giáo, không có những nghi thức siêu độ như trong nhà chùa hiện thời. Thời đức Phật hoàn toàn không có, ngay cả khóa tụng sáng tối cũng không có, quý vị tự mình tu hành như thế nào là chuyện của quý vị. Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày cùng đại chúng lên lớp, quý vị có nghi vấn có thể nêu ra để thảo luận, trong kinh Phật là một bên hỏi, một bên đáp. Vì thế, muốn duy trì tôn giáo tồn tại, nhất định phải coi trọng giáo học và giáo dục tôn giáo. Hiện thời, do khoa học kỹ thuật phát triển, giao thông thuận tiện, nhanh chóng, địa cầu đã biến thành người một nhà, chẳng thể giống như trong quá khứ, dẫu đến già chết chẳng qua lại với nhau, thời đại ấy đã qua rồi! Vì thế, hiện thời, cần phải nghĩ đến những vị thánh hiền, đại thánh đại hiền đã giáo hóa chúng sanh, nay chúng ta hiểu rõ, phương hướng là một, mục tiêu là một, nhưng phương pháp khác nhau. Do vậy, chúng ta tiếp xúc kinh điển của mỗi tôn giáo, phải chọn lấy những điểm tương đồng, chấp nhận những điểm dị biệt, nhằm phong phú hóa sự giáo học trong hiện tại của chúng ta, giúp chính mình nâng cao cảnh giới nhằm giải quyết vấn đề xã hội, đặc biệt là hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình. Tôn giáo như vậy sẽ có công hiến lớn nhất đối với thế giới và nhân loại, ai chẳng ủng hộ quý vị? Ai chẳng tán thán? [Điều ấy] sẽ dẫn đến các sự nghiệp đều có thể cùng tồn tại. Phật giáo theo hình thức tôn giáo cũng có thể tồn tại, chẳng cần phải biến đổi nó. Hiện thời, tại Trung Quốc còn có Phật giáo kiểu du lịch ngoạn cảnh, Phật giáo học thuật đã có từ rất lâu. Các đại học thường dùng kinh điển Phật giáo để giảng dạy, đó là Phật giáo theo kiểu học thuật.

Hiện tại, nghe nói còn có Phật giáo theo mô hình xí nghiệp, [những hình thức ấy] đều được, đều có thể cùng tồn tại, nhưng Phật giáo theo kiểu giáo dục là cội rễ, đó là nguyên thủy Phật giáo, trọng yếu hơn bất cứ hình thức Phật giáo nào khác!

Người Trung Quốc coi trọng giáo dục nhất: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (dựng nước, cai trị nhân dân, giáo hóa làm đầu). Trước đây là gia tộc, tức đại gia đình, trong gia đình trọng yếu nhất là giáo dục, tức gia giáo! Tư thực là trường học dành cho con em trong gia đình, [gia đình theo kiểu] đại gia đình. Một gia đình giống như trong Hồng Lôu Mộng đã viết là một gia đình thông thường, nói chung là nhân số trong một gia đình gồm khoảng ba trăm người, rất bình thường. Nhân đình hưng vượng thì sáu bảy trăm người, rất suy cũng có một hai trăm người, đại gia đình! Vì thế, chẳng có giáo dục sẽ không được, nhất định là coi trọng giáo dục, coi trọng quy củ. Đệ Tử Quy là gia quy. Vì lẽ đó, người Trung Quốc nói “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”. Có thể tề gia, sẽ có thể trị quốc. Quý vị cai quản gia đình tốt đẹp, sẽ có thể chăm lo những chuyện quốc gia, mở rộng ra là được rồi! Hiện thời, chúng ta đáng thương, không có gia tộc. Sau chiến tranh Trung - Nhật, chúng ta bị tổn thất lớn nhất không phải là sanh mạng hay tài sản, mà là truyền thống gia tộc của Trung Quốc bị xóa sạch, chẳng còn. Trước Kháng Chiến thì có, sau Kháng Chiến chẳng tìm thấy nữa. Đó là chuyện khiến chúng tôi đau lòng nhất. Gia tộc của Trung Quốc khiến cho xã hội ổn định bền vững mấy ngàn năm qua; tìm khắp thế giới chẳng thấy [có điều gì khác giống như] sự công hiến của gia tộc đối với đất nước. Nó phát huy hiệu quả thật to, gia tộc quá tốt đẹp. Bởi lẽ, người yêu mến gia đình, yêu mến quê hương, tự nhiên sẽ ái quốc. Gia tộc không có, quý vị nói đến chuyện hiếu thảo cha mẹ, tôn kính thầy, nói đến chuyện yêu thương người khác sẽ rất khó khăn.

Sáng hôm nay, tôi thức dậy, tôi chẳng đọc báo, mấy chục năm qua, tôi chẳng xem báo, nhưng chúng tôi hiện thời ở chung cư, mở cửa ra, cách vách là một nhà khác, sáng ra là báo được đặt ở cửa nhà họ. Tôi đi qua, liếc qua tờ báo đặt ở cửa, tin thứ nhất là gì? Một đứa trẻ mười lăm tuổi giết mẹ và em gái, còn ra thể thống chi nữa! Mỗi ngày đều thấy chuyện như vậy, trước kia chẳng thể nào như vậy được! Xưa kia, thầy Lý giảng kinh có kể cho chúng tôi nghe một chuyện, dường như là vào đời Thanh, có một huyện thành, nảy ra một đứa con bất hiếu giết cha. Triều đình biết chuyện, đây là chuyện lớn, phải tâu lên triều đình. Huyện trưởng bị cách chức, tri huyện bị cách chức, tri phủ bị ghi [trong hồ sơ là] hai lần phạm lỗi lớn, tuần phủ (là tỉnh trưởng) bị ghi một lần. Ngoài ra còn như thế nào? Trước kia là [mỗi thành thị] có tường thành, tường thành bị phá một góc, triệt một góc thành, xấu hổ, nhục nhã quá! Có sao thành ấy lại nảy nòi một kẻ tồi bại dường ấy! Hiện thời quý vị đọc báo, giết mẹ vẫn chẳng sao! Xưa nay nghe nói có chuyện giết cha, chưa nghe nói giết mẹ! Xã hội hiện thời đến nông nổi này, do nguyên nhân nào? Con người không hiểu luân lý, không biết đạo đức, không biết nhân quả, cả thế giới hiện thời thiếu sót những điều này. Khéo sao tôn giáo đảm nhận ba loại giáo dục ấy, trong kinh điển của bất luận tôn giáo nào cũng đều nhấn mạnh giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Trong tôn giáo cao cấp, có giáo dục triết học và giáo dục khoa học. Tôn giáo có thể gánh vác sự nghiệp hoàng dương rực rỡ giáo học, chính mình nghiêm túc học tập, cảm hóa chúng sanh, tôn giáo thật sự có công hiến đối với xã hội. Xưa kia, những vị giáo chủ sáng lập tôn giáo đã dụng tâm như thế, chúng ta chớ nên không biết!



Đây là nói tôn giả Kiều Trần Như khéo khuyên răn, giáo hóa. Khéo khuyên răn, giáo hóa thì quan trọng nhất là lấy thân làm gương. Chính mình không làm được, bảo người khác làm, người ta chẳng tin tưởng, tự mình phải làm trước. “*Tương dưỡng thánh chúng*”, “*tương*” (將) có nghĩa là dẫn đầu, quý vị thấy Ngài nêu gương, dẫn đầu, xướng suất các đồng học, quả thật là đã thực hiện “*học vi nhân sự, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Đoàn thể của Thích Ca Mâu Ni Phật không có tổ chức, quý vị thấy những học trò ưu tú đều là những tấm gương tốt cho các học trò bình phàm, chẳng đánh mất oai nghi. Đây chính là “*oai nghi hữu tác*” trong Tứ Đức như trong Hoàn Nguyên Quán đã nói.

“*Kim kinh thủ liệt tôn danh*” (nay kinh này kê tên tôn giả đầu tiên), quý vị thấy trong bộ kinh này, nêu tên vị thượng thủ thứ nhất là Ngài. “*Chánh biểu năng văn thọ thử kinh pháp giả, giai thị đệ nhất đệ tử*” (nhằm biểu thị những người có thể nghe nhận kinh pháp này đều là đệ tử thứ nhất của đức Phật). Trong đây có hai tầng ý nghĩa:

1) Thứ nhất là quý vị có thể nghe. Nghe bộ kinh này là ai? Là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Như Lai.

2) [Thứ hai là] quý vị có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành, sẽ có thân phận giống như ngài Kiều Trần Như, là nhân vật giống hệt như ngài Kiều Trần Như.

“*Bổn kinh Phi Thị Tiểu Thừa phẩm viết*” (phẩm Chẳng Phải Là Tiểu Thừa trong kinh này có đoạn), kinh văn có một đoạn như thế này: “*Đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm hỷ ái chi tâm, quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành. Đương tri thử nhân, phi thị Tiểu Thừa. Ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử*” (Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, có thể sanh một tâm vui thích, quy y, chiêm lễ, tu hành đúng như lời dạy. Hãy nên biết người ấy chẳng phải là Tiểu Thừa. Ở trong pháp ta, được gọi là đệ tử bậc nhất). Đây là lấy kinh này để làm chứng, nhằm chứng tỏ những ý nghĩa bao hàm trong việc ngài Kiều Trần Như được nêu danh đầu tiên trong các vị thượng thủ, đây cũng chẳng phải là xếp đặt tùy tiện. Câu kinh văn này quan trọng, quý vị thấy đó: Được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, danh hiệu A Di Đà Phật chẳng dễ gì được nghe, nghe xong, nếu có thể hiểu ý nghĩa, thì mới có thể tu hành. Nghe danh hiệu này, chẳng hiểu ý nghĩa, cũng gieo trồng thiện căn, cũng gieo chủng tử trong A Lại Da, nhưng trong đời này, [chủng tử ấy] chẳng dễ gì hiện hành, cũng chẳng dễ gì khởi tác dụng!

Do vậy, chúng ta học Phật phải biết: Nghe kinh quan trọng hơn bất cứ điều gì khác! Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng suốt bốn mươi chín năm, những vị thường tùy đệ tử nghe chẳng thiếu buổi nào, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, chẳng thiếu một buổi giảng nào! Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi trong một đời này, nhân duyên khiến tôi xuất gia là do tiếp nhận lời khuyên cáo của Chương Gia đại sư, lão nhân gia khuyên tôi xuất gia. Lại còn khuyên tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi nghe lời, thật sự đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời học tập, dạy học. Tôi học tập bảy năm, bắt đầu dạy học. Học tập bảy năm rồi xuất gia. Vừa xuất gia bèn dạy trong Phật học viện, cũng nhận lời mời giảng kinh bên ngoài, bắt đầu dạy học, [đến nay là] năm mươi hai năm! Trong xã hội như vậy, tôi đến rất nhiều nơi trên các quốc gia, chẳng bị lui sụt, không trở thành tệ hại, nhờ vào đâu? Nhờ vào kinh điển, mỗi ngày chẳng rời khỏi kinh

điền. Chẳng rời khỏi kinh điền là chẳng rời khỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày ở cùng một chỗ với Phật, tận hết sức đoạn tuyệt ngoại duyên. Ngoại duyên có sức dụ dỗ, mê hoặc con người lớn nhất. TV, thời chúng tôi chưa có Internet, hiện thời có Internet, radio, TV, nhật báo, tạp chí. Tôi một mực cự tuyệt những phương tiện truyền thông ấy, vài chục năm chẳng tiếp xúc những thứ ấy. Người ta hỏi tôi, tôi cảm thấy thế giới này khá lắm, mỗi ngày đều thái bình, đều chẳng có chuyện gì phát sanh, chẳng nghe, chẳng hỏi tới, mỗi ngày tiếp xúc Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày tiếp xúc chư đại Bồ Tát. Vì thế, tâm yêu thích sự giáo dục của đức Phật ngày một tăng trưởng, pháp hỷ sung mãn, đúng là thường sanh tâm hoan hỷ, thấu hiểu lời cô nhân đã nói: *“Thế vị chẳng nông đậm bằng pháp vị”* [nghĩa là] ý vị trong nhân gian thiên thượng lục đạo chẳng thể sánh bằng pháp vị. Nếu quý vị thật sự nếm được, sẽ nảy sanh tâm hoan hỷ. Quy y, chiêm lễ, tu hành đúng như lời dạy, nhất định tuân theo giáo huấn của đức Phật, những khuyết điểm, tập khí, hành vi bất thiện thấy đều uốn nắn, sửa sai. Đây là nói về Tịnh Tông. Hãy nên biết người ấy chẳng phải là Tiểu Thừa, ở trong pháp ta được gọi là đệ tử bậc nhất. Tức là trong pháp Tịnh Độ, chứ chẳng phải pháp môn nào khác. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây. Hãy ghi nhớ ý nghĩa biểu thị pháp của ngài Kiền Trần Như.